

Bản án số: 117/2018/DS-PT

Ngày: 21-6-2018

V/v: *Tranh chấp hợp đồng xây dựng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tòng.

Các thẩm phán: Bà Phạm Thị Hồng Vân;
Ông Nguyễn Văn Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Cẩm Vân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh: Ông Trần Văn Sự - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 49/2018/TLPT–DS ngày 24 tháng 4 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng xây dựng”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 92/2017/DS-ST ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 79/2018/QĐPT-DS ngày 28 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Công ty TNHH xây dựng công nghiệp M**; Địa chỉ: Khu phố O, thị trấn H, huyện H, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Võ Thanh L**, sinh năm 1951 – Chức vụ: Giám đốc; Địa chỉ: Khu phố O, thị trấn H, huyện H, tỉnh Tây Ninh. (Có mặt)

2. Bị đơn: **Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện H**, tỉnh Tây Ninh; Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn H, huyện H, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông **Nguyễn Hữu P**, sinh năm 1975 –Trưởng ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện H–là người đại diện theo pháp luật.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông **Lâm Minh B**, sinh năm 1982 –Chức vụ: Phó Giám đốc Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện H –Là người đại diện theo ủy quyền. (Theo văn bản ủy quyền ngày 22-9-2017)

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

- Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Tây Ninh; Địa chỉ: Đường Đ, Khu phố N, thị trấn H, huyện H, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông **Nguyễn Nam H1** –Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H – người đại diện theo pháp luật.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông **Phạm Xuân T** –Chức vụ: Ủy viên Ủy ban nhân dân- Chánh Thanh tra huyện H – người đại diện theo ủy quyền. (Theo văn bản ủy quyền ngày 18-11-2016). (Có mặt)

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn Công ty TNHH xây dựng công nghiệp M và bị đơn Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 02 năm 2015 và lời khai của ông Võ Thanh L là người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH Xây dựng công nghiệp M trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:***

Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện H (gọi tắt là Ban quản lý dự án) có ký hợp đồng số: 28/HĐXD-BQL ngày 29-12-2006 với Công ty TNHH xây dựng công nghiệp M (gọi tắt là Công ty M) thi công gói thầu nâng cấp Đường 797 (đoạn từ cua Đại Trĩ đến Báo Quốc Từ và đoạn Phước Đức Cù) thuộc huyện H, tỉnh Tây Ninh, thi công về phần đường, vỉa hè, phần cống, cọc tiêu biển báo; ngày khởi công: 29-12-2006, ngày hoàn thành 17-12-2007, giá trị trúng thầu khoán gọn là 10.099.746.253 đồng. Ngày 30-12-2008 hai bên ký phụ lục hợp đồng kinh tế thống nhất điều chỉnh hình thức hợp đồng từ trọn gói sang đơn giá điều chỉnh, gia hạn thời gian thi công đến ngày 30-5-2009. Công trình đã được nghiệm thu và đưa vào sử dụng ngày 30-5-2009, nghiệm thu bảo hành ngày 17-11-2012.

Công ty M lập quyết toán vào ngày 16-9-2010, bao gồm:

- Giá trị khối lượng quyết toán theo hợp đồng: 8.938.798.172 đồng;
- Giá trị khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng: 523.719.126 đồng;
- Giá trị quyết toán theo dự toán bổ sung (bù giá): 3.236.878.040 đồng.

Tổng cộng: 12.699.395.338 đồng.

Ban quản lý dự án đã trả cho Công ty M: 8.972.223.000 đồng, còn nợ 3.727.172.338 đồng. Ngày 08-9-2016 Ban quản lý dự án huyện H có chuyển trả cho Công ty M 435.634.219 đồng. Tổng cộng Ban quản lý dự án đã quyết toán cho Công ty M: 9.407.857.219 đồng, còn nợ lại 3.291.538.119 đồng chưa được quyết toán.

Trong quá trình thi công, ngày 17-12-2007 Công ty M có đơn gửi cho Ban quản lý dự án huyện H xin tạm dừng thi công để chờ giải phóng mặt bằng và chờ chính sách bù giá của Nhà nước. Ngày 12-3-2008 Công ty M có làm đơn xin tiếp tục thi công gửi Ban quản lý dự án, có sự đồng ý của Ban quản lý dự án

thì Công ty M mới tiếp tục thi công. Công ty M đã lập hồ sơ quyết toán và hồ sơ bù giá theo đúng quy định nhưng Ban quản lý dự án huyện H không xem xét hồ sơ bù giá. Công trình này được bù giá theo phụ lục hợp đồng hai bên đã ký kết ngày 30-12-2008.

Nay ông rút một phần yêu cầu khởi kiện không tranh chấp về phần giá trị khối lượng theo hợp đồng và phát sinh ngoài hợp đồng không được quyết toán là 54.660.079 đồng, yêu cầu Ban quản lý dự án huyện H trả cho Công ty M số tiền chưa được quyết toán theo dự toán bổ sung (bù giá) theo kết quả kiểm toán của Công TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố H2 là 3.067.151.185 đồng (chênh lệch thiếu 169.726.855 đồng so với dự toán của công ty M) và tiền lãi chậm trả của số tiền nợ gốc từ ngày Công ty M bàn giao công trình 30-5-2009 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất quy định của pháp luật. Ban quản lý dự án huyện H phải chịu án phí và chi phí thực hiện trưng cầu kiểm toán của Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố H2 là 120.000.000 đồng mà Công ty M đã tạm ứng để trả cho Công ty.

**** Người đại diện hợp pháp của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện H, tỉnh Tây Ninh - ông Nguyễn Hữu P, ông Lâm Minh B trình bày:***

Ủy ban nhân dân huyện H là chủ đầu tư dự án có giao cho Ban quản lý dự án huyện H ký hợp đồng thi công gói thầu nâng cấp Đường 797 (đoạn từ cua Đại Trĩ đến Báo Quốc Tử và đoạn Phước Đức Cù) thuộc huyện H, tỉnh Tây Ninh, thi công về phần đường, vỉa hè, phần cống, cọc tiêu biển báo như nguyên đơn trình bày, tiền đầu tư công trình là của ngân sách Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh. Sau khi công trình hoàn thành, Ban quản lý dự án đã quyết toán cho Công ty M các khoản sau:

- Giá trị khối lượng quyết toán theo hợp đồng và phát sinh ngoài hợp đồng: 8.972.223.000 đồng + 435.634.219 đồng = 9.407.857.219 đồng.

Đến nay Ban quản lý dự án huyện H đã chi trả xong cho Công ty M phần được quyết toán công trình mà Sở Tài chính tỉnh Tây Ninh đã duyệt là 9.407.857.219 đồng, phần Công ty M đề nghị nhưng không được duyệt quyết toán là 54.660.079 đồng do sai về khối lượng thi công công trình, ông L không tranh chấp phần này nên không đặt ra giải quyết.

Riêng phần đề nghị quyết toán theo dự toán bổ sung (bù giá) cho Công ty M số tiền 3.236.878.040 đồng, Ban quản lý dự án có ý kiến như sau:

- Tại biên bản hòa giải ngày 14-9-2015 phía Ban quản lý dự án huyện H chỉ đồng ý chi trả tiền bù giá cho Công ty M một phần nhưng do Công ty M không thống nhất quan điểm nên hai bên chưa tính toán được số tiền bù giá cụ thể là bao nhiêu, nên phần đề nghị quyết toán bù giá của Công ty M phía Ban quản lý dự án chưa trình hồ sơ quyết toán lên Sở Tài chính tỉnh xem xét, Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Việc không đồng ý bù giá theo yêu cầu của Công ty M bởi các lý do sau:

+ Mặt bằng thi công do không giải phóng được một số vị trí (nhật ký chưa thể hiện cụ thể chi tiết);

+ Đơn vị giám sát không ký xác nhận một số ngày trong sổ nhật ký, do nội dung thể hiện chưa đúng tiến độ thi công;

+ Thời gian ngưng thi công của Công ty M khoảng 04 tháng (từ 28-11-2007 đến ngày 12-3-2008) đã thi công lắp đặt cống (còn một vài vị trí chưa lắp đặt) và đào đường phần mở rộng đoạn của Đại Trĩ đến Báo Quốc Tử có thể thi công đắp sỏi nhưng không triển khai thực hiện, đơn vị thi công kéo dài thời gian thi công để chờ bù giá;

+ Khối lượng thi công, tiến độ thi công không hợp lý (ban đầu thi công cầm chừng, tập trung vào thời gian cuối theo hợp đồng);

+ Chủ đầu tư không có yêu cầu đơn vị thi công về chỉnh sửa sổ nhật ký;

+ Chủ đầu tư có một số văn bản đơn đốc, nhắc nhở đơn vị thi công hoàn chỉnh hồ sơ liên quan đến bù giá nhưng Công ty M không cung cấp hồ sơ hoàn chỉnh mà kéo dài thời gian;

+ Ban quản lý dự án huyện H và UBND huyện H không có nhận được đơn xin ngưng thi công ngày 17-12-2007 của Công ty M, nếu Công ty M muốn ngưng thi công một thời gian thì phải được sự đồng ý của Ban quản lý dự án và của UBND huyện H.

- Tại biên bản hòa giải ngày 22-11-2016 Ban quản lý dự án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty M về phần bù giá.

Đối với kết quả thực hiện kiểm toán của Công TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Thành phố H2 Ban quản lý dự án huyện H không đồng ý với kết quả này, bởi vì trước khi thực hiện kiểm toán thì hai bên phải thống nhất bản dự thảo trước, trước đây Ban quản lý dự án huyện H có thuê Công ty TNHH Kiểm toán F kiểm toán công trình này, nhưng không thống nhất với bản dự thảo của Công ty TNHH Kiểm toán F nên Ban quản lý dự án huyện H đã thuê Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn C thực hiện kiểm toán công trình của Công ty M thực hiện. Bản dự thảo của Công ty TNHH Kiểm toán F chưa được chủ đầu tư thông qua, nhưng Công ty M căn cứ vào kết quả kiểm toán này để khởi kiện và căn cứ vào kết quả kiểm toán của Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Thành phố H2 là không có căn cứ, nên phía Ban quản lý dự án huyện H không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Công ty M. Về tiền chi phí thực hiện kiểm toán do Công ty M yêu cầu thì Công ty M phải chịu; án phí giải quyết theo quy định của pháp luật.

**** Người đại diện hợp pháp của UBND huyện H, tỉnh Tây Ninh - ông Phạm Xuân T trình bày:***

Ông thống nhất với lời trình bày của bị đơn về chủ đầu tư, việc ký kết hợp đồng số 28/HĐXD-BQL ngày 29-12-2006 về dự án nâng cấp Đường 797 (đoạn từ của Đại Trĩ đến Báo Quốc Tử và đoạn Phước Đức Cù). Công trình Đường 797 của huyện H do Công ty M thi công đúng vào thời điểm được hưởng

chính sách bù giá theo Thông tư số: 09/2008/TT-BXD ngày 17-4-2008 của Bộ tài chính và Công văn số: 1901/UBND-KTTH ngày 12-5-2008 của UBND tỉnh Tây Ninh do giá vật tư xây dựng tăng mạnh. Tuy nhiên, muốn được hưởng chính sách bù giá thì đơn vị thi công phải thực hiện đúng tiến độ thi công công trình như kế hoạch đã đưa ra lúc đầu và phải có đầy đủ hồ sơ pháp lý, chứng từ, hóa đơn hợp lệ theo hướng dẫn thì mới được hưởng, nếu không đảm bảo được các điều kiện này thì đơn vị thi công sẽ không được hưởng bù giá.

Mặt khác, đây là hợp đồng dân sự giữa Ban quản lý dự án huyện H và Công ty M, sau khi thẩm tra phần bù giá thì hai bên phải ký kết thêm phụ lục hợp đồng về phần bù giá này và có thể hiện việc phải trả tiền lãi do chậm thanh toán thì mới phát sinh hiệu lực thi hành giữa hai bên, trong khi giữa Ban quản lý dự án huyện H với Công ty M chưa ký kết phụ lục hợp đồng với những nội dung này thì không thể chấp nhận theo yêu cầu khởi kiện của Công ty M. Do đó, UBND huyện H không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty M đối với Ban quản lý dự án huyện H về việc bù giá công trình.

**** Tại biên bản lấy lời khai ngày 19 tháng 8 năm 2016 và tại phiên tòa người làm chứng ông Cao Sơn I trình bày như sau:***

Ông thống nhất với lời trình bày của các đương sự về chủ đầu tư và hợp đồng số 28/HĐXD-BQL ngày 29-12-2006 về dự án nâng cấp Đường 797. Khi đó ông giữ chức vụ Trưởng Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng huyện H nên ông trực tiếp ký kết hợp đồng chính và hợp đồng phụ với Công ty M và giám sát việc thi công công trình.

Đoạn đường này làm trong phạm vi quy hoạch nên không cần giải phóng mặt bằng trước, nhưng đến khi tiến hành làm đường thì người dân trước đây lấn chiếm lòng lề đường (trong phạm vi đất quy hoạch của đường) không giao mặt bằng nên tiến độ thi công công trình bị vướng lại, chờ giải phóng mặt bằng nên việc thi công bị kéo dài, đây là lỗi khách quan, không phải do lỗi chủ quan của Công ty M.

Do thời gian giải phóng mặt bằng kéo dài, vật tư lên giá, Công ty M có làm đơn gửi Ban quản lý dự án đề nghị không tiếp tục thực hiện hợp đồng nữa và yêu cầu thanh lý hợp đồng, trong khi Công ty M đã thi công được một phần công việc. Sau khi nhận đơn đề nghị của Công ty M, ông có báo cáo lại với UBND tỉnh và thường trực UBND huyện, Huyện ủy H biết đề xin ý kiến chỉ đạo. Huyện ủy H, UBND huyện H, đại diện Sở Tài chính, Sở xây dựng, Sở Giao thông vận tải, ông Võ Thanh L và ông tiến hành tổ chức nhiều cuộc họp bàn hướng giải quyết. Tại cuộc họp, ông L yêu cầu hủy hợp đồng và đồng ý chịu tiền phạt hợp đồng, nhưng chủ đầu tư vận động Công ty M tiếp tục thực hiện hợp đồng, ông L có ý kiến nếu Công ty M tiếp tục thực hiện hợp đồng thì phải bù giá vật tư công trình, các ban ngành thống nhất bù giá cho Công ty M. Việc họp thống nhất này có lập biên bản nhưng ông không biết biên bản này hiện nay bộ phận nào đang lưu giữ. Do không giải tỏa mặt bằng được nên công trình bàn giao không đúng hạn hợp đồng chính ban đầu, nhưng sau đó hai bên có hợp lại

và thống nhất cho bên thi công gia hạn thời gian thực hiện công trình Công ty M vẫn bàn giao công trình đúng hợp đồng.

Trước khi ông thôi giữ chức vụ Trưởng ban quản lý dự án huyện H thì Ban quản lý dự án có ký hợp đồng với Công ty kiểm toán F để kiểm toán công trình này, lúc đó Công ty kiểm toán F đã gửi dự thảo kết quả kiểm toán công trình tương đối phù hợp với hồ sơ đề nghị quyết toán của Công ty M. Sau đó hai bên tiến hành họp, tại cuộc họp UBND huyện H đề nghị phía Công ty M sửa ngày tháng, nội dung trong sổ nhật ký công trình cho phù hợp với hồ sơ bù giá của Công ty M đề nghị quyết toán nhưng ông L nói thực tế làm công việc gì ngày nào thì ghi đúng ngày đó, không đồng ý sửa nên kéo dài hồ sơ bù giá này cho đến nay.

Theo ông, Công ty M khởi kiện là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ trước đây các ban ngành đã họp thống nhất với điều kiện là cho Công ty M bù giá vật tư theo quy định của Chính phủ thì Công ty M mới tiếp tục thực hiện hợp đồng.

Tại bản án sơ thẩm số 92/2017/DS-ST ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tây Ninh quyết định:

Áp dụng các Điều 388, 389, 402, 408, 412 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 72, 75, 76, 81 của Luật Xây dựng năm 2003; các Điều 20, 21, 22, 23, 25, 26, 27, 30 Nghị định số: 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; Thông tư số: 09/2008/TT-BXD ngày 17/4/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn điều chỉnh giá và hợp đồng xây dựng do biến động giá nguyên liệu, nhiên liệu và vật liệu xây dựng; Điều 161 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng công nghiệp M đối với Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện H, tỉnh Tây Ninh.

Buộc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện H, tỉnh Tây Ninh trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng công nghiệp M số tiền được bù giá theo hợp đồng là 3.067.151.185 đồng (ba tỷ không trăm sáu mươi bảy triệu một trăm năm mươi một nghìn một trăm tám mươi lăm đồng).

Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng công nghiệp M và Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện H, Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Tây Ninh có nghĩa vụ phối hợp thực hiện đúng trình tự, thủ tục để quyết toán số tiền trên.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, nghĩa vụ chậm trả, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10-01-2018 Ban quản lý dự án làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm số 92/2017/DS-ST ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tây Ninh yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm, sửa bản án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH xây dựng công nghiệp M.

Ngày 10-01-2018 Công ty TNHH xây dựng công nghiệp M làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm số 92/2017/DS-ST ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tây Ninh yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tính tiền lãi của nợ gốc 3.067.151.185 đồng từ ngày bàn giao công trình 30-5-2009 đến nay theo mức lại suất quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Ông Võ Thanh L –đại diện của Công ty M vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Ban quản lý dự án và chủ đầu tư Ủy ban nhân dân huyện H tính lãi chậm trả.

Đại diện Ban quản lý dự án: giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, cho rằng Công ty M không hoàn chỉnh hồ sơ theo yêu cầu của Ban quản lý nên không đồng ý trả số tiền bù giá theo cấp sơ thẩm đã tuyên.

Đại diện Ủy ban nhân dân huyện H: thống nhất với ý kiến của Ban quản lý dự án, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Công ty M.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng qui định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo luật Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa phúc thẩm dân sự.

- Về việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng: Điều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội qui phiên tòa.

- Về nội dung: Không chấp nhận kháng cáo của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện H.

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng công nghiệp M.

Sửa bản án sơ thẩm số 92/2017/DS-ST ngày 28-12-2017 của Tòa án nhân dân huyện H, theo hướng đình chỉ đối với số tiền 54.066.079 đồng do Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng công nghiệp M rút một phần yêu cầu khởi kiện không tranh chấp về phần giá trị khối lượng theo hợp đồng và phát sinh ngoài hợp đồng không được quyết toán.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngày 29-12-2006 Ban quản lý dự án huyện H tỉnh Tây Ninh được sự ủy quyền của chủ đầu tư là Ủy ban nhân dân huyện H ký hợp đồng số 28/HĐ-XD-BQL với Công ty M về việc thi công gói thầu: Phần đường, vỉa hè,

phần công, cọc tiêu, biển báo dự án nâng cấp Đường 797 (đoạn từ cua Đại Trí đến Báo Quốc Từ và đoạn Phước Đức Cù) thuộc huyện H tỉnh Tây Ninh.

Ngày khởi công là ngày 29-12-2006, ngày hoàn thành là ngày 17-12-2007, giá trị hợp đồng khoán gọn là 10.099.766.253 đồng.

[2] Quá trình thi công do vướng giải phóng mặt bằng nên Ủy ban nhân dân huyện H, Công ty M, Ban quản lý dự án và các cơ quan có thẩm quyền khác đã tiến hành nhiều cuộc họp để xử lý. Trong phiên họp ngày 18-10-2008 biên bản phiên họp có nội dung: “Hiện nay Ủy ban nhân dân huyện đã thành lập đoàn cưỡng chế nóng để giải tỏa ngay những vị trí bị vướng mặt bằng...”.

[3] Như vậy trong quá trình thi công, do vướng giải phóng mặt bằng nên Công ty M đã ngừng thi công từ ngày 28-11-2007 đến ngày 19-3-2008 và có báo cáo với Ban quản lý dự án. Đầu tháng 4-2008 Công ty M tiếp tục thi công là có sự đồng ý của Ban quản lý dự án và chủ đầu tư. Nên việc Ban quản lý dự án cho rằng Công ty M ngừng thi công từ ngày 28-11-2007 đến 19-3-2008 để chờ chính sách bù giá là không có căn cứ.

[4] Tại thời điểm năm 2007 giá vật liệu xây dựng có biến động trên thị trường gây ảnh hưởng đến các công trình xây dựng bằng vốn nhà nước nên ngày 17-4-2008 Bộ xây dựng ban hành Thông tư số 09/2008/TT-BXD hướng dẫn điều chỉnh giá và hợp đồng xây dựng do biến động giá nguyên liệu, nhiên liệu và vật liệu xây dựng.

[5] Theo Thông tư số 09/2008 của Bộ xây dựng thì: “Việc điều chỉnh giá vật liệu xây dựng được áp dụng đối với các gói thầu đã và đang triển khai thực hiện theo hình thức hợp đồng trọn gói, hình thức hợp đồng theo đơn giá cố định...” và được “Điều chỉnh giá vật liệu xây dựng được tính cho khối lượng thi công xây lắp từ năm 2007 chịu ảnh hưởng của biến động giá vật liệu xây dựng làm tăng chi phí xây dựng công trình....”

[6] Ngày 12-5-2008 Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh ban hành hướng dẫn số 1901/UBND-KTTH hướng dẫn thực hiện Thông tư số 09 về điều chỉnh giá và hợp đồng xây dựng do biến động giá nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

[7] Ngày 30-12-2008 (Bút lục 108) Ban quản lý dự án huyện H và Công ty M căn cứ vào hướng dẫn số 1901/UBND-KTTH ngày 12-5-2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh, Thông tư số 09 của Bộ xây dựng và Công văn số 4144/SKHĐT-XDCB ngày 27-12-2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh, ký phụ lục hợp đồng số 101 thống nhất điều chỉnh hợp đồng số 28 ngày 29-12-2006 từ hợp đồng trọn gói sang đơn giá điều chỉnh và gia hạn thời gian thi công đến ngày 30-5-2009.

[8] Như vậy việc thi công gói thầu Đường 797 đã được các cơ quan có thẩm quyền cho phép điều chỉnh từ hợp đồng trọn gói sang hợp đồng đơn giá và gia hạn thời gian thi công đến hết ngày 30-5-2009. Công ty M được hưởng chính sách bù giá theo phụ lục hợp đồng số 101 ngày 30-12-2008.

[9] Ngày 30-5-2009 Công ty M đã hoàn chỉnh thi công gói thầu Đường 797 và đưa vào sử dụng theo kế hoạch. Ngày 17-11-2012 các bên tiến hành nghiệm thu bảo hành.

[10] Về hồ sơ quyết toán: Ngày 16-9-2010 Công ty M đã lập hồ sơ quyết toán số tiền 12.699.395.338 đồng trong đó:

- Giá trị quyết toán theo hợp đồng: 8.938.798.172 đồng
- Giá trị phát sinh ngoài hợp đồng: 523.719.126 đồng
- Giá trị quyết toán theo dự toán bổ sung (bù giá): 3.236.878.040 đồng

Và yêu cầu Ban quản lý dự án thanh toán. Tính đến ngày 08-9-2016 Ban quản lý dự án đã quyết toán được 9.407.857.219 đồng. Công ty M yêu cầu trả số tiền bù giá 3.236.878.040 đồng.

[11] Do các bên không thống nhất giá trị quyết toán nên trong năm 2010 Ban quản lý dự án đã trưng cầu Công ty TNHH kiểm toán F kiểm toán công trình, kết quả được Công ty kiểm toán báo cáo tổng mức chi phí là 13.821.209.216 đồng, nhưng Ban quản lý dự án không chấp nhận kết quả này.

[12] Khi vụ kiện được TAND huyện H thụ lý giải quyết, ngày 15-01-2016 Tòa án cấp sơ thẩm đã yêu cầu các bên chọn cơ quan tổ chức thực hiện việc kiểm toán phần bù giá công trình nhưng các bên không lựa chọn, cấp sơ thẩm đã yêu cầu Công ty TNHH kiểm toán Dịch vụ tin học Thành phố H2 thực hiện việc kiểm toán là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[13] Theo báo cáo kiểm toán độc lập về báo cáo giá trị đề nghị quyết toán công trình phần bù giá công trình nâng cấp Đường 797 đoạn từ cua Đại Trĩ đến Báo Quốc Tử và đoạn Phước Đức Cù huyện H của Công ty TNHH Kiểm toán dịch vụ tin học Thành phố H2 thì:

- Theo dự toán bổ sung là: 3.236.878.040 đồng.
- Kết quả kiểm toán: 3.067.151.185 đồng.

Như vậy so với đề nghị quyết toán phần bù giá của Công ty M có chênh lệch 169.726.855 đồng.

[14] Sau khi có kết quả kiểm toán Tòa án cấp sơ thẩm đã gửi cho Ban quản lý dự án, nhưng Ban quản lý dự án không có ý kiến phản đối hay khiếu nại, nên kết quả kiểm toán của Công ty TNHH Kiểm toán Dịch vụ tin học Thành phố H2 có giá trị pháp lý.

[15] Theo Ban quản lý dự án huyện H trình bày không đồng ý quyết toán phần bù giá của Công ty M với lý do: Khối lượng thi công, tiến độ thi công không hợp lý, đơn vị giám sát không ký xác nhận một số ngày trong sổ nhật ký... là không có căn cứ để chấp nhận, bởi lẽ công trình luôn có đơn vị giám sát theo dõi và công trình đã được thi công đúng kế hoạch và đưa vào sử dụng. Trong trường hợp các bên không thống nhất giá trị quyết toán thì phải yêu cầu kiểm toán và căn cứ vào kết quả kiểm toán để xác định giá trị. Trong năm 2010 đã có tranh chấp xảy ra, Ban quản lý dự án đã có trưng cầu kiểm toán. Khi có kết

quả kiểm toán Ban quản lý dự án không đồng ý thực hiện theo kết quả kiểm toán là lỗi của Ban quản lý dự án và chủ đầu tư Ủy ban nhân dân huyện H.

[16] Cấp sơ thẩm buộc Ban quản lý dự án và chủ đầu tư Ủy ban nhân dân huyện H có trách nhiệm trả cho Công ty M số tiền bù giá là 3.067.151.185 đồng là có căn cứ đúng pháp luật nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ban quản lý dự án huyện H.

[17] Về phần tính lãi: Việc quyết toán phần bù giá không được quyết toán và kéo dài là do lỗi của Ban quản lý dự án huyện H và chủ đầu tư.

Cấp sơ thẩm buộc Ban quản lý dự án và chủ đầu tư Ủy ban nhân dân huyện H trả cho Công ty M số tiền 3.067.151.185 đồng nhưng nhận định: "... hơn nữa nếu được chi trả thì nguồn tiền chi trả từ ngân sách nhà nước, nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu tính lãi chậm trả của Công ty M..." là không đúng theo quy định tại Điều 305 Bộ luật dân sự. Nên chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty M, cần tính lãi chậm trả số tiền 3.067.151.185 đồng là phù hợp.

[18] Theo quy định tại Điều 305 BLDS 2005 thì : “ Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác...”

Theo Điều 15.2 của Hợp đồng số 28/HĐ.XD-BQL ngày 29-12-2006 quy định Ban quản lý dự án có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty M thời gian chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ pháp lý.

[19] Theo hồ sơ thể hiện Công ty M đã giao hồ sơ quyết toán và gửi cho Ban quản lý dự án ngày 16-10-2010 nên thời gian tính lãi chậm trả được tính từ ngày 31-10-2010 đến ngày xét xử sơ thẩm (28-12-2017) là 85 tháng 24 ngày.

Tính lãi như sau: $0,75\% \times 85 \text{ tháng } 24 \text{ ngày} \times 3.067.151.185 \text{ đồng} = 1.973.712.000 \text{ đồng}$.

[20] Về phần đề nghị của đại diện Viên kiểm sát cần đình chỉ phần ông Võ Thanh Liêm đại diện Công ty M rút yêu cầu đối với số tiền 54.660.079 đồng thấy rằng: Số tiền 54.660.079 đồng là phần giá trị khối lượng theo hợp đồng và phát sinh ngoài hợp đồng là nằm trong số tiền mà Công ty M yêu cầu thanh toán là 9.462.517.298 đồng Ban quản lý dự án đã thanh toán 9.407.857.219, nên cấp sơ thẩm chỉ nhận định mà không tuyên đình chỉ vào phần Quyết định là đúng.

[21] Về phần Quyết định của bản án sơ thẩm: Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu tính lãi chậm trả của Công ty M nhưng không tuyên trong phần Quyết định và không tính án phí là thiếu sót cần rút kinh nghiệm.

[22] Về chi phí tố tụng: Đối với kết quả kiểm toán, đây là cơ sở để Tòa án xét xử nên chi phí kiểm toán là chi phí tố tụng. Bên nào có lỗi phải chịu chi phí kiểm toán. Cấp sơ thẩm buộc Ban quản lý dự án chịu 113.708.000 đồng chi phí kiểm toán là đúng theo quy định.

[23] Về án phí: Do sửa án, nên sửa lại phần án phí sơ thẩm. Án phí phúc thẩm các đương sự không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015

Áp dụng các Điều 305, 408, 412 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 72, 75, 76, 81 của Luật Xây dựng năm 2003; các Điều 20, 21, 22, 23, 25, 26, 27, 30 Nghị định số: 99/2007/NĐ-CP ngày 13-6-2007 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; Thông tư số: 09/2008/TT-BXD ngày 17-4-2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn điều chỉnh giá và hợp đồng xây dựng do biến động giá nguyên liệu, nhiên liệu và vật liệu xây dựng; Điều 161 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 27, Điều 30 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009:

Không chấp nhận kháng cáo của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện H.

Chấp nhận kháng cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng công nghiệp M. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 92/2017/DS-ST ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tây Ninh.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng công nghiệp M đối với Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện H, tỉnh Tây Ninh.

Buộc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện H và Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Tây Ninh trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng công nghiệp M số tiền 5.040.863.185 đồng (Năm tỷ không trăm bốn mươi triệu tám trăm sáu mươi ba nghìn một trăm tám mươi lăm đồng) trong đó số tiền được bù giá theo hợp đồng là 3.067.151.185 đồng (ba tỷ không trăm sáu mươi bảy triệu một trăm năm mươi một nghìn một trăm tám mươi lăm đồng) và tiền lãi là 1.973.712.000 đồng (Một tỷ chín trăm bảy mươi ba triệu bảy trăm mười hai nghìn đồng).

2. Chi phí tố tụng:

Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện H và Ủy ban nhân dân huyện H hoàn trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng công nghiệp M 113.708.000 đồng (Một trăm mười ba triệu bảy trăm lẻ tám nghìn đồng) phần kết quả kiểm toán theo yêu cầu của Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng công nghiệp M được chấp nhận 3.067.151.185 đồng.

Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng công nghiệp M phải chịu 6.292.000 đồng (sáu triệu hai trăm chín mươi hai nghìn) chi phí trưng cầu kiểm toán phần kết quả kiểm toán theo yêu cầu của cho Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng công nghiệp M không có căn cứ 169.726.855 đồng. Ghi nhận đã nộp xong.

3. Án phí sơ thẩm: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện H phải chịu 113.041.000 đồng (Một trăm mười ba triệu không trăm bốn mươi một nghìn đồng).

Hoàn trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng công nghiệp M 53.271.000 đồng (năm mươi ba triệu hai trăm bảy mươi một nghìn đồng) số tiền nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 0001314 ngày 19 tháng 3 năm 2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Tây Ninh.

4. Án phí phúc thẩm:

Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng công nghiệp M được nhận lại 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0019299 ngày 11-01-2018; biên lai thu số 0019503 ngày 16-3-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Tây Ninh.

Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện H được nhận lại 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0019286 ngày 10-01-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Tây Ninh.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- TAND huyện;
- CCTHADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Phòng GDKT;
- Lưu tập án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tòng

